

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 3 - 2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Pháp và bà Phan Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 15/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà N – sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn C, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; *vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.*

Bị đơn: Ông H – sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn X, xã M, huyện T, tỉnh Phú Yên; *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H, bà N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Phú Yên năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng tháng 11 năm 2020, hai bên tự xa nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm đã hết nên bà N xin được ly hôn ông H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên G – sinh ngày 07/5/2020, lâu nay do bà N nuôi dưỡng. Bà N xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần Nng vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn N vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Bị đơn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N, ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T vào ngày 17/12/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà N khai trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do không hợp tính, thường xuyên cãi nhau và đã tự sống xa nhau từ tháng 11/2020 đến nay, không ai quan tâm ai.

Xét thấy: Ngày 07/8/2020, Tòa án nhân dân (TAND) huyện Tây Hòa đã thụ lý vụ án xin ly hôn giữa bà N và ông H. Sau đó, bà N xin rút đơn xin ly hôn nên ngày 17/9/2020, TAND huyện Tây Hòa ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 38/2020/QĐST-HNGĐ. Sau khi bà N rút đơn xin ly hôn, hai bên tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, bà N bỏ về phía bà ở thôn C, xã H sinh sống và tiếp tục làm đơn xin ly hôn. Ban nhân dân thôn C, xã H, thị xã Đ xác nhận ông H, bà N chung sống có mâu thuẫn, hiện bà N đang sinh sống tại nhà cha mẹ ở thôn C là sự thật. Mặt khác, ông H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu xin ly hôn của bà N.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông H, bà N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung tên G – sinh ngày 07/5/2020, còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Cháu G lâu nay do bà N nuôi dưỡng, đã quen sống cùng bà N. Do đó, để cháu G phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần giao cháu G cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N làm nghề nông, có sức khỏe, đủ khả năng nuôi con và bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí DSST: Nguyên đơn N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà N được ly hôn ông H.
2. Về con chung: Giao con chung tên là G – sinh ngày 07/5/2020 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà N phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà N đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002226 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã M, huyện T
(*GDKKH số 68/2019, ngày 17/12/2019*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Huệ